TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG** Bản án số:15/2025/HS-ST Ngày 04-3-2025	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Tưởng Thị Thu, nguyên chủ tịch Công đoàn Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Chiêm Hóa;

+ Bà Trần Thị Hường, Giáo viên trường THCS Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2025/TLST - HS ngày 06 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST - HS ngày 19/02/2025 đối với các bị cáo:

1. Đặng Quang A, sinh ngày 13/12/2007 tại tỉnh Tuyên Quang (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 09 tháng 02 ngày); nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Thôn F, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; con ông Đặng Văn Q, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến ngày 21/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lĩnh (Có mặt).

2. Bùi Xuân T, sinh ngày 21/11/2001 tại tỉnh Tuyên Quang; nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Thôn F, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bùi Xuân T1, sinh năm 1974 và bà Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có. Tiền sự, nhân thân: Không có.

Tiền án: Bản án số 39/2023/HS-ST ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Bùi Xuân T 26 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, có mặt.

3. Nông Văn T2, sinh ngày 15/7/2006 tại tỉnh Tuyên Quang; nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Nông Văn T3, sinh năm 1979 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1980; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến ngày 21/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lĩnh (Có mặt).

4. Hoàng Tuấn K, sinh ngày 31/7/2006 tại tỉnh Tuyên Quang; nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Thôn I, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn D1, sinh năm 1981 và bà Nông Thị D2, sinh năm 1982; vợ, con: Chưa có. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến ngày 21/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lĩnh (Có mặt).

5. Hoàng Tuấn T11, sinh ngày 23/6/2007 tại tỉnh Tuyên Quang (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 02 tháng 22 ngày); nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Thôn F M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn H, sinh năm 1982 và bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1983; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 02/02/2023, bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi "Mang theo vũ khí thô sơ có khả năng sát thương nhằm mục đích gây thương tích cho người khác";

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

6. Lương Văn T4, sinh ngày 29/12/2006 tại tỉnh Tuyên Quang (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 08 tháng 16 ngày); nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Thôn H, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Lương Văn T5 (đã chết) và bà Hoàng Thị C2, sinh năm 1983; vợ, con: Chưa có. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

7. Đặng Càn D3, sinh ngày 08/5/2007 tại tỉnh Tuyên Quang (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 04 tháng 07 ngày); nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; con ông Đặng Càn D4, sinh năm 1983 và bà Bàn Thị C3, sinh

năm 1985; vợ, con: Chưa có. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

8. Hoàng H1, sinh ngày 05/6/2007 tại tỉnh Tuyên Quang (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 03 tháng 10 ngày); nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Thôn E M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn S, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1980; vợ, con: Chưa có. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

9. Hoàng Minh T6, sinh ngày 13/9/2007 tại tỉnh Tuyên Quang (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 02 ngày); nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Thôn I, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn L1, sinh năm 1989 và bà Lưu Thị N, sinh năm 1989; vợ, con: Chưa có. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

10. Trương Phan H3, sinh ngày 10/8/2007 tại tỉnh Tuyên Quang (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 01 tháng 05 ngày); Nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Trương Phan S1, sinh năm 1981 và bà Dương Thị N1, sinh năm 1985; vợ, con: Chưa có. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

11. Bàn Anh C4, sinh ngày 28/6/2007 tại tỉnh Tuyên Quang (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo được 17 tuổi 02 tháng 17 ngày); nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; con ông Bàn Văn K1, sinh năm 1980 và bà Hoàng Thị T7, sinh năm 1982; vợ, con: Chưa có. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

12. Lương Thành T8, sinh ngày 10/01/2008 tại tỉnh Tuyên Quang (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 08 tháng 05 ngày); nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Thôn I, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Lương Văn H4, sinh năm 1975 và bà Lã Thị S2, sinh năm 1977; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 20/4/2023, bị UBND xã M, huyện H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi "Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy và các loại xe tương tự xe mô tô không đội mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy khi điều khiển xe tham gia giao thông trên đường bộ".

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

13. Nguyễn Mạnh T9, sinh ngày 06/02/2007 tại tỉnh Tuyên Quang (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 07 tháng 09 ngày); nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Xuân T10, sinh năm 1982 và bà Đỗ Thị H5, sinh năm 1982; vợ, con: Chưa có. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

14. Hoàng Tiến D5, sinh ngày 27/8/2007 tại tỉnh Tuyên Quang (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 18 ngày); nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Quốc V, sinh năm 1984 và bà Mai Thủy N2, sinh năm 1987; vợ, con: Chưa có. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- Người đại diện của các bị cáo dưới 18 tuổi:

+ Ông Đặng Văn Q, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn F M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, là người đại diện cho bị cáo Đặng Quang A, có mặt;

+ Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn F M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, là người đại diện cho bị cáo Hoàng Tuấn T11, có mặt;

+ Bà Bàn Thị C3, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, là người đại diện cho bị cáo Đặng Càn D3, có mặt;

+ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn E M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, là người đại diện cho bị cáo Hoàng H1, có mặt;

+ Ông Hoàng Văn L1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn I M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, là người đại diện cho bị cáo Hoàng Minh T6, có mặt;

+ Ông Trương Phan S1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, là người đại diện cho bị cáo Trương Phan H3, có mặt;

+ Ông Bàn Văn K1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, là người đại diện cho bị cáo Bàn Anh C4, có mặt;

+ Ông Lương Văn H4, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn I M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, là người đại diện cho bị cáo Lương Thành T8, có mặt;

+ Ông Nguyễn Xuân T10, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; là người đại diện cho bị cáo Nguyễn Mạnh T9, có mặt;

+ Ông Hoàng Quốc V, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, là người đại diện cho bị cáo Hoàng Tiến D5, có mặt.

- Người bào chữa:

+ Người bào chữa cho bị cáo Trương Phan H3, Nguyễn Mạnh T9, Bàn Anh C4, Nông Văn T2: Bà Vũ Thanh T12, Trợ giúp viên pháp lý, công tác tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T, có mặt;

+ Người bào chữa cho bị cáo Đặng Quang A, Lương Văn T4, Hoàng Tuấn T11, Đặng Càn D3: Ông Nguyễn Văn T13, Trợ giúp viên pháp lý, công tác tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T, có mặt;

+ Người bào chữa cho bị cáo Lương Thành T8, Hoàng Minh T6, Hoàng Tiến D5, Hoàng H1: Ông Bùi Anh T14, Trợ giúp viên pháp lý, công tác tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Bàn Đức T15, sinh năm 2008. Người đại diện: Ông Bàn Văn T16, sinh năm 1987. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, có mặt;

+ Anh Ma Quốc T17, sinh năm 2009. Người đại diện: Ông Ma Quốc K2, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

+ Anh Hoàng Tuấn A1, sinh năm 2009. Người đại diện: Ông Hoàng Văn Đ1, sinh năm 1983. Cùng địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, có mặt;

+ Anh Nguyễn Hoàng B, sinh năm 2009. Người đại diện: Bà Hoàng Thị G, sinh năm 1988. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

+ Anh Nông Bảo H6, sinh năm 2009. Người đại diện: Ông Nông Văn S3, sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

+ Anh Lục Văn D6, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Vũ Ngọc L2, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

+ Bà Hoàng Kim T18, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

+ Bà Cầm Thị O, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

+ Ông Đàm Văn T19, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

+ Ông Phạm Văn C5, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

+ Bà Bàn Thị T20, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

+ Bà Lâm Thị N3, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước nên tối ngày 14/9/2024, Đặng Quang A sử dụng máy vi tính của mình truy cập tài khoản facebook "Quang A" nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho Trần Quốc M, sinh ngày 09/10/2007, trú tại thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang hẹn tối ngày 15/9/2024 gặp nhau tại xã C để giải quyết mâu thuẫn, M đồng ý. Sau đó Anh tiếp tục nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho Hoàng Tuấn T11, Hoàng H1, Nông Văn T2, Hoàng Tuấn K, Nông Bảo H6, Hoàng Tiến D5, Lương Thành T8, Trương Phan H3, Bàn Anh C4, Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Mạnh T9 là bạn của Đặng Quang A để cùng A đi đánh nhau với M thì đều được mọi người đồng ý. Sau đó Nông Văn T2 rủ thêm Bùi Xuân T; K rủ thêm Lương Văn T4; Hoàng Tuấn T11 rủ thêm Đặng Càn D3, Lương Thành T8 rủ thêm Hoàng Tuấn A1; Hoàng H1 rủ thêm Hoàng Minh T6; Bàn Anh C4 rủ thêm Bàn Đức T15; Nguyễn Hoàng B rủ thêm Ma Quốc T17 cùng tham gia thì mọi người đều đồng ý.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 15/9/2024, Đặng Quang A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave Alpha, biển số 22YA-050.69 (xe không gắn biển số) của bà Nguyễn Thị D (là mẹ A) đến khu vực Q huyện H gặp H3, T9. Sau đó A, H3 đi đến nhà Nguyễn Bảo L3, sinh năm 2011, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H mượn 01 đinh ba bằng kim loại (L3 không biết việc Đặng Quang A mượn đinh ba để đi đánh nhau) và đi đến nhà H3 lấy 01 ba lô bên trong đựng 10 vỏ chai thủy tinh rồi tiếp tục di chuyển từ thị trấn T, huyện H đến xã Y, huyện C. Trên đường đi, Đặng Quang A mượn điện thoại nhãn hiệu IPHONE X của Bàn Đức T15 nhắn tin và gọi điện cho H3 Tuấn T11, H1, T2, K, H6, D5, T8, C4, B tập trung tại khu vực ngã ba B thuộc thôn C, xã B, huyện H để đi đánh nhau. Lúc này, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave Alpha, biển số 22S1-485.16 của bà Nông Thị D2 (là mẹ K) chở T4; T17 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Dream, biển số 22K3-3590 của bà Trần Thị T21 (là mẹ T17) chở B; T15 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu QUICKNEWWAVE, dán tem Dream biển số 22H3-4971 (không gắn biển số) của ông Bàn Văn K1, (là bố T15) chở C4; Dương tự chuẩn bị, mang theo một dao tự chế (kiểu thanh đao) rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA RSX, biển số 22Y1-287.68 của ông Đặng Càn D4 (là bố D3) chở H3 Tuấn T11 cầm theo một thanh kiếm; Hoàng Tuấn A1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave Alpha biển số 22Y1-104.20 của bà Hoàng Thị C (là mẹ T2) chở T2 cầm theo một két đựng khoảng 20 vỏ chai

bằng thủy tinh (màu xanh); T8 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave Alpha, biển số 22Y1-310.94 của bà Tướng Thị L4 (là mẹ Hoàng Tuấn A1) chở H6, Bùi Xuân T đi từ xã M, huyện H đến điểm hẹn.

Đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, sau khi gặp nhau tại điểm hẹn, T4 lấy vỏ chai thủy tinh từ Đặng Quang A rồi cùng T2 phát cho những người ngồi sau các xe mô tô để làm hung khí, rồi tiếp tục di chuyển đến khu vực sân bóng thuộc thôn C, xã Y, huyện C thì thấy D5 điều khiển xe gắn máy nhãn hiệu Wave 50cc Detech biển số 22AA-03827 (xe của Phạm Đức L5, sinh năm 2007, trú tại thôn F, xã M) chở T9; H1 mang theo một côn nhị khúc điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha biển số 22Y1-310.30 của ông Hoàng Văn S (là bố H1) chở T6 đi đến. Lúc này, T4 tiếp tục lấy vỏ chai bia còn lại để phát cho D5, T9 nhưng D5, T9 không cầm mang theo. Sau khi tập trung đủ 19 đối tượng nêu trên thì Bùi Xuân T điều khiển xe mô tô biển số 22YA-050.69 chở Đặng Quang A (cầm 01 ống tuýp sắt gắn đinh ba); T8 điều khiển xe mô tô biển số 22Y1-310.94 chở H6 (cầm 02 vỏ chai bia), H3 (cầm 03 vỏ chai bia); T15 điều khiển xe mô tô biển số 22H3-4971 chở C4 (cầm 02 vỏ chai bia); H1 điều khiển xe mô tô biển số 22Y1-31030 (mang theo côn nhị khúc) chở T4 (cầm 02 vỏ chai bia và đeo balo đựng vỏ chai bia); T6 điều khiển xe mô tô biển số 22S1-485.16 chở K (cầm 02 vỏ chai bia); T17 điều khiển xe mô tô biển số 22K3-3590 chở B (cầm 02 vỏ chai bia); Tuấn A1 điều khiển xe mô tô biển số 22Y1-104.20 chở T2 (cầm 02 vỏ chai bia); D3 điều khiển xe mô tô biển số 22Y1-287.68 (cầm một dao tự chế kiểu thanh đao) chở T (mang theo một thanh kiếm); D5 điều khiển xe gắn máy biển số 22AA-03827 chở T9 (không mang theo hung khí) di chuyển trên đường Q thuộc xã Y, huyện C để tìm M đánh nhau. Quá trình di chuyển, những người ngồi trên xe mô tô đều không đội mũ bảo hiểm (trừ Hoàng Tiến D5), các xe mô tô đi khoảng cách gần nhau (từ 03 mét đến 05 mét), dàn hàng hai, hàng ba, lạng lách, đánh võng, nẹt bô, tăng ga tạo tiếng ồn lớn làm mất trật tự, ảnh hưởng đến nhân dân cư trú dọc theo tuyến đường thuộc địa bàn các thôn (Y, H, Cầu M, Đ, Cầu Cả thuộc xã Y, huyện C). Sau khi nhận được thông tin phản ánh của nhân dân và Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở tại các thôn nêu trên, tổ công tác Công an xã Y, huyện C gồm các đồng chí Lục Văn D6 và Ma Quốc C6 mặc thường phục để theo dõi, nắm tình hình, tiếp cận để ngăn chặn hành vi vi phạm. Khi anh D6, anh C6 di chuyển đến khu vực thôn C, xã Y, huyện C thì gặp các đối tượng nêu trên đang di chuyển trên đường. Lúc này, anh D6 tiếp cận xe mô tô do Bùi Xuân T điều khiển chở Đặng Quang A, thì bất ngờ bị Đặng Quang A dùng ống tuýp sắt đâm một phát trúng vào mặt trong cổ tay trái của anh D6 gây thương tích. Sau đó, tổ công tác của Công an xã Y, huyện C đã khống chế Đặng Quang A và Bùi Xuân T; các đối tượng còn lại điều khiển xe mô tô bỏ chạy theo hướng đi huyện H. Trên đường bỏ chạy, các đối tượng đã ném các vỏ chai bia, côn nhị khúc xuống đường; còn Đặng Càn D3 mang dao và thanh đao tự chế về nhà cất giấu.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 202/2024/KLTTCT-TTPY ngày 02/10/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Lục Văn D6 tại thời điểm giám

định là 02%. Ngày 09 tháng 10 năm 2024 anh Lục Văn D6 có đơn đề nghị không khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Đặng Quang A.

Cáo trạng số 06/CT-VKSCH ngày 04/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa truy tố các bị cáo Đặng Quang A, Bùi Xuân T, Nông Văn T2, Hoàng Tuấn K, Hoàng Tuấn T11, Lương Văn T4, Đặng Càn D3, Hoàng H1, Hoàng Minh T6, Trương Phan H3, Bàn Anh C4, Lương Thành T8, Nguyễn Mạnh T9, Hoàng Tiến D5 về tội *"Gây rối trật tự công cộng",* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

- Về tội danh: Đề nghị tuyên bố các bị cáo Đặng Quang A, Bùi Xuân T, Nông Văn T2, Hoàng Tuấn K, Hoàng Tuấn T11, Lương Văn T4, Đặng Càn D3, Hoàng H1, Hoàng Minh T6, Trương Phan H3, Bàn Anh C4, Lương Thành T8, Nguyễn Mạnh T9, Hoàng Tiến D5, phạm tội *" Gây rối trật tự công cộng".*

- Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 90, 91, 101, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Quang A từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân nơi cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, Điều 38, khoản 5 Điều 65, Điều 56 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Xuân T từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 26 tháng tù tại Bản án số 39/2023/HS-ST ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 17/9/2024.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 38, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Hoàng Tuấn K, Nông Văn T2 từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân nơi cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 90, 91, 101, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Hoàng Tuấn T11, Lương Văn T4, Đặng Càn D3, Hoàng H1, Hoàng Minh T6, Trương Phan H3, Bàn Anh C4, Lương Thành T8, Nguyễn Mạnh T9, Hoàng Tiến D5 từ 01(một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân nơi cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Đặng Quang A đã bồi thường cho anh Lục Văn D6 10.000.000 đồng. Anh Duy không yêu cầu bị cáo A phải bồi thường chi phí nào khác nên không đề nghị xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Đối với các đồ vật là 01 thanh đao bằng kim loại, 01 thanh kiếm bằng kim loại, 01 ống tuýp bằng kim loại, 04 mảnh thủy tinh màu xanh, 06 mảnh thuỷ tinh màu nâu, hình dạng không xác định, 02 vỏ chai bia không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với các điện thoại di động thu giữ của các bị cáo Bàn Anh C4, Đặng Càn D3, Hoàng H1, Hoàng Tuấn K, Nông Văn T2, Hoàng Tiến D5, Lương Thành T8, Trương Phan H3, Hoàng Minh T6, Lương Văn T4 xác định là phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước;

Đối với các điện thoại di động thu giữ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ma Quốc T17, Bàn Đức T15, Nguyễn Hoàng B, Nông Bảo H6, do hành vi của T17, T15, B, H6 không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên cần trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Bùi Xuân T, Bàn Anh C4, Nguyễn Mạnh T9 phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm; miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Đặng Quang A, Nông Văn T2, Hoàng Tuấn K, Lương Văn T4, Hoàng Tuấn T11, Đặng Càn D3, Hoàng H1, Hoàng Minh T6, Trương Phan H3, Lương Thành T8, Hoàng Tiến D5.

- Về quyền kháng cáo: Đề nghị áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên quyền kháng cáo bản án của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo dưới 18 tuổi, người đại diện của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Trương Phan H3, Nguyễn Mạnh T9, Bàn Anh C4, Nông Văn T2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, gồm: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại thời điểm phạm tội bị cáo H3, T9, C4 chưa đủ 18 tuổi nên chưa nhận thức đầy đủ về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo H3 được trường THCS T22 tặng giấy khen trong quá trình học tập và có ông ngoại Dương Q1 (V) T8 được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang; bị cáo T9 có bố là Nguyễn Xuân T10 có thời gian 02 năm tham gia quân ngũ; bị cáo H3, T2 là dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T2; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s

khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 90, 91, 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo H3, C4; xử phạt các bị cáo H3, C4, T2 mức án thấp nhất của khung hình phạt tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và cho các bị cáo được hưởng án treo. Riêng đối với Nguyễn Mạnh T9 đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo T9 với mức thấp nhất của khung hình phạt cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T9.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Đặng Quang A, Lương Văn T4, Hoàng Tuấn T11, Đặng Càn D3 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, gồm: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại thời điểm phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Bị cáo Đặng Quang A đã tác động để bố mẹ bồi thường thiệt hại cho anh Lục Văn D6, bị cáo A có bố Đặng Văn Q được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất; bị cáo A, T4, T11, D3 đều là dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 90, 91, 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Quang A mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 90, 91, 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo T4, T11, D3 mức án thấp nhất và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Lương Thành T8, Hoàng Minh T6, Hoàng Tiến D5, Hoàng H1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, gồm: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại thời điểm phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi; các bị cáo đều là dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 90, 91, 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T8, T6, H1 mức án thấp nhất và cho các bị cáo T8, T6, H1 được hưởng án treo. Riêng đối với Hoàng Tiến D5 đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo D5 với mức thấp nhất của khung hình phạt cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo D5.

Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới; các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì; các bị cáo Trương Phan H3, Nguyễn Mạnh T9, Bàn Anh C4, Nông Văn T2, Đặng Quang A, Lương Văn T4, Hoàng Tuấn T11, Đặng Càn D3, Lương Thành T8, Hoàng Minh T6, Hoàng Tiến D5, Hoàng H1 đều nhất trí với ý kiến của những người bào chữa, không có ý kiến bổ sung; các bị cáo không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến khác để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, các bị cáo cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo Bùi

Xuân T, Hoàng Tuấn K không có ý kiến bổ sung, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến khác để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án thấp nhất, bị cáo K đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người đại diện không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với bản tường trình, biên bản lấy lời khai, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Mạnh T9, Hoàng Tiến D5 cho rằng các bị cáo T9, D5 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" nhưng thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm. Khi được Đặng Quang A rủ đi đánh nhau thì T9, D5 đều đồng ý, thể hiện sự ủng hộ về mặt tinh thần cho Quang A (giúp sức về mặt tinh thần). D5 điều khiển xe gắn máy biển số 22AA-03827 chở theo T9, không cầm theo hung khí nhưng D5, T9 cũng như các bị cáo khác trực tiếp điều khiển xe mô tô tuy không trực tiếp sử dụng vũ khí, hung khí nhưng đều biết các bị cáo khác có hung khí để cùng tập hợp đi đánh nhau nhưng vẫn cùng tham gia, trên đường đi các bị cáo dàn hàng hai, hàng ba, đánh võng, lạng lách để thể hiện số đông, thúc đẩy, kích động, ủng hộ về mặt tinh thần cho các bị cáo khác nên T9, D5 được xác định phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức nên phải chịu trách nhiệm hình sự như các bị cáo còn lại. Có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng từ 23 giờ 00 phút đến 23 giờ 30 phút ngày 15/9/2024, tại tuyến đường Q thuộc địa bàn xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang các bị cáo Đặng Quang A, Bùi Xuân T, Nông Văn T2, Hoàng Tuấn T11, Hoàng Tuấn K, Lương Văn T4, Đặng Càn D3, Bàn Anh C4, Trương Phan H3, Hoàng Minh T6, Hoàng H1, Lương Thành T8, Nguyễn Mạnh T9, Hoàng Tiến D5 đã có hành vi mang theo hung khí (*ống tuýp sắt gắn đinh ba, vỏ chai bia, dao tự chế kiểu thanh đao, kiếm)* điều khiển xe mô tô đi với tốc độ cao, dàn hàng hai, hàng ba, nẹt bô, lạng lách, đánh võng gây rối trật tự công cộng làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật

tự, anh toàn xã hội trên địa bàn các thôn Y, H, Cầu M, Đ, Cầu Cả thuộc xã Y, huyện C.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Đặng Quang A, Bùi Xuân T, Nông Văn T2, Hoàng Tuấn K, Hoàng Tuấn T11, Lương Văn T4, Đặng Càn D3, Hoàng H1, Hoàng Minh T6, Trương Phan H3, Bàn Anh C4, Lương Thành T8, Nguyễn Mạnh T9, Hoàng Tiến D5 đủ yếu tố cấu thành tội "Gây tối trật tự công cộng", với tình tiết định khung "Dùng vũ khí, hung khí" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Bùi Xuân T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Đặng Quang A, Nông Văn T2, Hoàng Tuấn K, Hoàng Tuấn T11, Lương Văn T4, Đặng Càn D3, Hoàng H1, Hoàng Minh T6, Trương Phan H3, Bàn Anh C4, Lương Thành T8, Nguyễn Mạnh T9, Hoàng Tiến D5 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trước Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, 14 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Đặng Quang A đã tác động cho bố mẹ bồi thường thiệt hại cho anh Lục Văn D6, bố đẻ bị cáo là ông Đặng Văn Q được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, bị cáo là dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Trương Phan H3 có ông ngoại Dương V1 (Q) T8 được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba, bị cáo được Trường THCS thị trấn T22, huyện H tặng Giấy khen trong quá trình học tập, bị cáo là dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Hoàng H1 có ông nội Hoàng Văn N4 được Viện thi đua khen thưởng nhà nước chứng nhận đã được thưởng Huân chương lao động hạng ba; bị cáo Nguyễn Mạnh T9 có bố từng tham gia quân ngũ; các bị cáo Nông Văn T2, Hoàng Tuấn K, Hoàng Tuấn T11, Lương Văn T4, Đặng Càn D3, Hoàng H1, Hoàng Minh T6, Lương Thành T8, Hoàng Tiến D5 là dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo Bàn Anh C4 là dân tộc

thiểu số (dân tộc Dao) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, lỗi cố ý; hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất ổn định an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần phải áp dụng mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để có tính chất răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Căn cứ lời khai của các bị cáo cho thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trước đó mà Đặng Quang A nhắn tin qua ứng dụng messenger hẹn đánh nhau với Trần Quốc M, khi M đồng ý, Anh nhắn tin rủ Hoàng Tuấn T11, H1, T2, K, H6, D5, T8, H3, C4, B, T9; Hoàng Tuấn T11 rủ thêm D3, H1 rủ thêm T6; T2 rủ thêm Bùi Xuân T, K rủ thêm T4, T8 rủ thêm Hoàng Tuấn A1, C4 rủ thêm T15, B rủ thêm Tuyến để cùng tham gia giải quyết mâu thuẫn giữa A và M. Do vậy, vụ án này có nhiều người tham gia nhưng không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, xác định vụ việc mang tính chất đồng phạm giản đơn, Đặng Quang A được xác định là người khởi xướng; các bị cáo còn lại đều tham gia với vai trò giúp sức, thực hành tích cực, trong đó Hoàng Tuấn K, Nông Văn T2, Bùi Xuân T đều đã đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật đầy đủ nhưng vẫn cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội với Đặng Quang A nên được xác định vai trò giúp sức, thực hành tích cực hơn các bị cáo còn lại.

Hội đồng xét xử áp dụng Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự xem xét, áp dụng hình phạt đối với các bị cáo như sau:

Tại thời điểm phạm tội (ngày 15/9/2024), bị cáo Bùi Xuân T đang chấp hành hình phạt 26 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 tháng tại Bản án số 39/2023/HS-ST ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" nên bị cáo Bùi Xuân T thuộc trường hợp không cho hưởng án treo quy định Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù trên mức khởi điểm đối với tội mới và tổng hợp với phần hình phạt tù chưa chấp hành của bản án trước, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Các bị cáo Hoàng Tuấn K, Nông Văn T2 phạm tội khi đã đủ 18 tuổi nhưng các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và là người dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; các bị cáo Đặng Quang A, Hoàng Tuấn T11, Lương Văn T4, Đặng Càn D3, Hoàng H1, Hoàng Minh T6, Trương Phan H3, Bàn Anh C4, Lương Thành T8, Nguyễn Mạnh T9, Hoàng Tiến D5 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ, còn hạn chế; Hội đồng xét xử áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự xem xét, áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo A, T11, T4, D3, H1, T6, H3, C4, T8, T9, D5 không quá 3/4 mức hình phạt tù mà điều luật quy định.

Căn cứ nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo A, K, T2, Hoàng Tuấn T11, T4, D3, H1, T6, H3, C4, T8, T9, D5 có đủ căn cứ để được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung, nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội; trong đó áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo A, K, T2 cao hơn mức hình phạt áp dụng với bị cáo còn lại.

[5] Về vật chứng:

Đối với 01 (một) thanh đao bằng kim loại, tổng chiều dài 58cm, chuôi đao bằng gỗ dài 18cm, lưỡi đao dài 40cm, lưỡi đao rộng nhất 8cm, mũi nhọn; 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại, tổng chiều dài 90cm, chuôi kiếm bằng gỗ dài 30cm, lưỡi kiếm dài 60cm, lưỡi kiếm rộng nhất 3,5cm, mũi nhọn, kiếm được đựng trong vỏ bằng gỗ; 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, chiều dài 300cm, đường kính 2cm, một đầu có gắn cố định 03 thanh kim loại, mũi nhọn, thanh dài nhất 33cm, thanh ngắn nhất 23cm, đường kính 05cm; 04 (bốn) mảnh thuỷ tinh màu xanh, hình dạng không xác định, mảnh lớn nhất kích thước (4,5x3,5x0,3)cm; mảnh nhỏ nhất kích thước (1x1,1x0,3)cm; 06 (sáu) mảnh thuỷ tinh màu nâu, hình dạng không xác định, mảnh lớn nhất kích thước (6x6,6x0,3)cm; mảnh nhỏ nhất kích thước (3x0,8x0,3)cm; 02 (hai) vỏ chai bia bằng thuỷ tinh, màu xanh, kích thước (22,5x5,5x0,3) trên vỏ chai dán tem nhãn hiệu Heineken, là công cụ phạm tội, xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với các điện thoại di động thu giữ của các bị cáo Bàn Anh C4, Đặng Càn D3, Hoàng H1, Hoàng Tuấn K, Nông Văn T2, Hoàng Tiến D5, Lương Thành T8, Trương Phan H3, Hoàng Minh T6, Lương Văn T4 xác định là phương tiện để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước;

Đối với các điện thoại di động thu giữ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ma Quốc T17, Bàn Đức T15, Nguyễn Hoàng B, Nông Bảo H6, do hành vi của T17, T15, B, H6 không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên cần trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Đặng Quang A đã bồi thường cho anh Lục Văn D6 10.000.000 đồng. Anh Duy có đơn không yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Đặng Quang A về tội Cố ý gây thương tích. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh Lục Văn D6 không yêu cầu bị cáo Đặng Quang A bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Hoàng B, Bàn Đức T15, Ma Quốc T17, Nông Bảo H6, Hoàng Tuấn A1 tại thời điểm thực hiện hành vi chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Công an huyện C xử lý vi phạm hành chính theo quy định nên không xem xét.

Đối với hành vi gây thương tích của bị cáo Đặng Quang A đối với anh Lục Văn D6 gây tổn hại 02% sức khỏe. Quá trình điều tra, anh D6 đã có đơn không yêu cầu khởi tố, Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính theo quy định nên không xem xét.

Đối với ông Bàn Văn K1, Đặng Càn D4, Hoàng Văn S và bà Tướng Thị L4, Nông Thị D2, Trần Thị T21, Hoàng Thị C, Nguyễn Thị D không biết các bị cáo sử dụng phương tiện của mình để thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét xử lý.

Đối với hành vi vi phạm Luật giao thông đường bộ của các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công an huyện C đã xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật nên không xem xét.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và nội dung bào chữa của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo Đặng Quang A, Lương Văn T4, Hoàng Tuấn T11, Đặng Càn D3, Trương Phan H3, Bàn Anh C4, Nông Văn T2, Lương Thành T8, Hoàng Minh T6, Hoàng H1 về tội danh, mức hình phạt, hình phạt bổ sung cũng như các vấn đề khác đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí: Các bị cáo Bùi Xuân T, Bàn Anh C, Nguyễn Mạnh T9 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Các bị cáo Đặng Quang A, Nông Văn T2, Hoàng Tuấn K, Hoàng Tuấn T11, Lương Văn T4, Đặng Càn D3, Hoàng H1, Hoàng Minh T6, Trương Phan H3, Lương Thành T8, Hoàng Tiến D5 là dân tộc thiểu số, cư tú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định;

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện của bị cáo, người bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đặng Quang A, Bùi Xuân T, Nông Văn T2, Hoàng Tuấn K, Hoàng Tuấn T11, Lương Văn T4, Đặng Càn D3, Hoàng H1, Hoàng Minh T6, Trương Phan H3, Bàn Anh C4, Lương Thành T8, Nguyễn Mạnh T9, Hoàng Tiến D5 phạm tội "*Gây rối trật tự công cộng*".

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 90, 91, 101, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình

sự: Xử phạt bị cáo Đặng Quang A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/3/2025.

2.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, Điều 38, khoản 5 Điều 65, Điều 56 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Xuân T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 26 tháng tù tại bản án số 39/2023/HS-ST ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân quận thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; buộc Bùi Xuân T chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 17/9/2024.

2.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 38, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nông Văn T2 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/3/2025.

Xử phạt bị cáo Hoàng Tuấn K 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/3/2025.

2.4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 90, 91, 101, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Tuấn T11 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/3/2025.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T4 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/3/2025.

Xử phạt bị cáo Đặng Càn D3 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/3/2025.

Xử phạt bị cáo Hoàng H1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/3/2025.

Xử phạt bị cáo Hoàng Minh T6 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/3/2025.

Xử phạt bị cáo Trương Phan H3 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/3/2025.

Xử phạt bị cáo Bàn Anh C4 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/3/2025.

Xử phạt bị cáo Lương Thành T8 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/3/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T9 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/3/2025.

Xử phạt bị cáo Hoàng Tiến D5 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/3/2025.

Giao các bị cáo Đặng Quang A, Nông Văn T2, Hoàng Tuấn K, Hoàng Tuấn T11, Lương Văn T4, Đặng Càn D3, Hoàng H1, Hoàng Minh T6, Trương Phan H3, Bàn Anh C4, Lương Thành T8, Nguyễn Mạnh T9, Hoàng Tiến D5 cho Uỷ ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thanh đao bằng kim loại, tổng chiều dài 58cm, chuôi đao bằng gỗ dài 18cm, lưỡi đao dài 40cm, lưỡi đao rộng nhất 8cm, mũi nhọn; 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại, tổng chiều dài 90cm, chuôi kiếm bằng gỗ dài 30cm, lưỡi kiếm dài 60cm, lưỡi kiếm rộng nhất 3,5cm, mũi nhọn, kiếm được đựng trong vỏ bằng gỗ; 01 (một) ống tuýp bằng kim loại, chiều dài 300cm, đường kính 2cm, một đầu có gắn cố định 03 thanh kim loại, mũi nhọn, thanh dài nhất 33cm, thanh ngắn nhất 23cm, đường kính 05cm; 04 (bốn) mảnh thuỷ tinh màu xanh, hình dạng không xác định, mảnh lớn nhất kích thước (4,5x3,5x0,3)cm; mảnh nhỏ nhất kích thước (1x1,1x0,3)cm; 06 (sáu) mảnh thuỷ tinh màu nâu, hình dạng không xác định, mảnh lớn nhất kích thước (6x6,6x0,3)cm; mảnh nhỏ nhất kích thước (3x0,8x0,3)cm; 02 (hai) vỏ chai bia bằng thuỷ tinh, màu xanh, kích thước (22,5x5,5x0,3)cm trên vỏ chai dán tem nhãn hiệu Heineken.

3.2. Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 Plus, số máy MQ8N2LL/A, số sê ri: DX3XN9VWJCM3, số IMEI: 358634091423131, dung lượng 64GB, màu vàng, mặt kính trước bị vỡ, máy cũ đã qua sử dụng. Điện thoại lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, số điện thoại: 0335821790 của bị cáo Bàn Anh C4;

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone X, số máy MQAD2TA/A, số sê ri: G6VVWC5HJCLJ, số IMEI: 353044093704824, màu trắng, mặt kính trước, sau bị vỡ, máy cũ đã qua sử dụng. Điện thoại lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, số điện thoại: 0383168105 của bị cáo Đặng Càn D3;

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xs Max, số máy MT6W2J/A, số sê ri: FK1X92U9KPHV, số IMEI: 357300094275941, IMEI 2: 357300093204405, dung lượng 256GB, màu vàng, mặt kính trước, sau bị vỡ, máy cũ đã qua sử dụng. Điện thoại lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, số điện thoại: 0983523148 của bị cáo Hoàng H1;

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11, số máy MWN12CH/A, số sê ri: F4G2D3LN73V, số IMEI 1: 356334101969106, số IMEI 2: 35633410196910, màu trắng, mặt kính trước, sau bị vỡ, máy cũ đã qua sử dụng. Điện thoại lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, số điện thoại: 0338561322 của bị cáo Hoàng Tuấn K;

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS, số máy MT8W2LL/A, số sê ri: C39XNAMAKPFR, số IMEI 1: 357209096153818, số IMEI 2: 357209096369976 dung lượng 64GB, màu vàng, mặt kính trước bị vỡ, máy cũ đã qua sử dụng. Điện thoại lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, số điện thoại 0968419606 của bị cáo Nông Văn T2;

01 (một) điện thoại di động nhãn IPHONE 11, số máy MHDJ3VN/A, số sê ri: FFWKN6XHN73F, số IMEI: 352737599430908, dung lượng 128GB, màu trắng, mặt kính trước bị nứt vỡ, máy cũ đã qua sử dụng. Điện thoại lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, số điện thoại 0393367572 của bị cáo Hoàng Tiến D5;

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, kiểu máy V2027, số IMEI1: 862310053573135, số IMEI2: 862310053573127, màu trắng, mặt kính sau bị nứt vỡ, máy cũ đã qua sử dụng. Điện thoại lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, số điện thoại 0356437227 của bị cáo Lương Thành T8;

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS, số máy MTAH2LL/A, số sê ri: G0NXH1Y7KPFQ, số IMEI: 356173093822968, IMEI 2: 356173093868086, dung lượng 64GB, màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng. Điện thoại lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, số điện thoại 0988859142 của bị cáo Trương Phan H3;

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, kiểu máy V2111, số sê ri: 3405548537001R4, số IMEI1: 861428055267893, số IMEI2: 861428055267885 màu xanh, mặt kính trước bị nứt vỡ, máy cũ đã qua sử dụng. Điện thoại lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, số điện thoại 0865870207 của bị cáo Hoàng Minh T6;

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8 Plus, số máy MQ9F2LL/A/A, số sê ri: FD4VF0UDJCM1, số IMEI: 356711083363020, IMEI 2: 35671108336302, dung lượng 256GB, màu vàng, mặt kính sau bị vỡ, máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo Lương Văn T4.

3.3. Trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trả lại Bàn Đức T15 01 (một) điện thoại di động nhãn IPHONE X, số máy MQAD2KH/A, số sê ri: G6TX3AU2JCLJ, số IMEI: 354864092330001, màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng;

Trả lại M (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8, số máy MRRY2LL/A, số sê ri: C8RWJ8MAJWF9, số IMEI: 352997095375185, màu đen, máy cũ đã qua sử dụng. Điện thoại lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, số điện thoại: 0354817870;

Trả lại Nguyễn Hoàng B 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6S, số máy MTK22LL/A, số sê ri: F1DQP2J4GRYF, số IMEI: 355420076096362, IMEI 2: 35542007609636, dung lượng 64GB, màu vàng, máy cũ đã qua sử dụng. Điện thoại lắp 01 sim của nhà mạng Viettel, số điện thoại 0958204589;

Trả lại Nông Bảo H6 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, loại ViVO Y93, kiểu máy V1818T, số IMEI1: 861927046523116, số IMEI2: 861927046523108, màu đen, mặt kính trước bị nứt vỡ, máy cũ đã qua sử dụng. Điện thoại lắp 02 sim của nhà mạng Viettel, số điện thoại 0774377905 và 0334948209.

Tình trạng vật chứng như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 09 tháng 01 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bùi Xuân T, Bàn Anh C4, Nguyễn Mạnh T9, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Đặng Quang A, Nông Văn T2, Hoàng Tuấn K, Hoàng Tuấn T11, Lương Văn T4, Đặng Càn D3, Hoàng H1, Hoàng Minh T6, Trương Phan H3, Lương Thành T8, Hoàng Tiến D5.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo, người đại diện của các bị cáo, người bào chữa của bị cáo dưới 18 tuổi, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (Mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh TQ;
- VKSND huyện CH;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Sở Tư pháp;
- Cơ quan CSĐT;
- Cơ quan THAHS;
- Cơ quan THADS;
- Phòng HSNV, CA tỉnh TQ;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND tt Tân Yên; UBND xã Minh Hương;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Tuấn Tú